

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2017/DS-ST**

Ngày: 27/02/2017

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản chung*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thanh Loan**;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Ông Thanh Bạch**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Giang**.

**- Thư ký phiên Tòa:** Ông **Đoàn Phước Đạt**, là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà **Đồ Ngọc Tuyên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công K hai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2015/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2015 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lưu K**, sinh năm 1958, địa chỉ: Số 25, đường Phạm Hùng, khóm 3, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư **Nguyễn Văn N** thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lưu S**, sinh năm 1956, địa chỉ: Số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà **Lý Thị Ph**, sinh năm 1957, địa chỉ: Số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Lý Thị Ph**, sinh năm 1957, địa chỉ: Số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bà **Lưu Thị Thu H**, sinh năm 1977; Địa chỉ: số 119/18, đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà **Lưu Thị Thu Y**, sinh năm 1979; Địa chỉ: số 129/26/45, đường Nguyễn Đình Chiểu, khóm 2, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà **Lưu Thị Hồng T**, sinh năm 1983; Địa chỉ: số 248/248, đường 30/4, khóm 2, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà **Tô Ngọc H**, sinh năm 1951; Địa chỉ: số 129/26/45, đường Nguyễn Đình Chiểu, khóm 2, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông **Lưu Minh H**, sinh năm 1988; Địa chỉ: số 129/26/45, đường Nguyễn Đình Chiểu, khóm 2, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* bà H, bà Y, bà T, bà H: Ông **Lưu Minh H**, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 129/26/45, đường Nguyễn Đình Chiểu, khóm 2, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (ông H có mặt).

- **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam**, địa chỉ: Số 18, đường Trần Hữu Dực, Mỹ Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- Bà **Lưu Thị Hoàng D**, sinh năm 1977 (có mặt);

- Ông **Lưu Minh S**, sinh năm 1979 (có mặt);

- Bà **Lưu Hoàng V** (vắng mặt);

- Ông **Lưu Minh G**, sinh năm 1984 (vắng mặt);

- Bà **Từ Xuân Ph**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà **Quách Hồng Th**, sinh năm 1960; Địa chỉ 143/4, đường Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 3, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/8/2015 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lưu K trình bày:*

Cha và mẹ của ông Lưu K là cụ Lưu Kh, sinh năm 1911 và cụ Quách Thị L, sinh năm 1918 có tạo lập được tài sản chung là: Phần đất và căn nhà trên đất diện tích là 44,7m<sup>2</sup>, trên đất có căn nhà trệt, mái tole, cột đúc, ½ vách tường + ½ vách lá, 01

vách nhờ, nền đất trũng. Nhà và đất tọa lạc tại số 24 (nay là số 36), đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và 08 công đất ruộng tọa lạc tại khóm 1, phường 5, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng).

Cụ Kh và cụ L có tất cả 04 người con, bao gồm:

1. Ông Lưu C, sinh năm 1947, chết năm 1994, có 04 người con gồm: bà Lưu Thị Thu H, sinh năm 1977; bà Lưu Thị Hồng T, sinh năm 1979; bà Lưu Thị Hồng T, sinh năm 1983; ông Lưu Minh H, sinh năm 1988.

2. Bà Lưu Thị K, sinh năm 1954 (đã chết), không có chồng và không có con.

3. Ông Lưu S, sinh năm 1956.

4. Ông Lưu K, sinh năm 1958.

Ông Lưu C, ông Lưu S và ông Lưu K đều lập gia đình; ông C và ông K không còn sống chung nhà với cụ Kh và cụ L. Riêng ông S vẫn sống chung với cụ Kh và cụ L tại căn nhà trên. Cụ Kh chết năm 1976, không để lại di chúc. Đến năm 2002, cụ L chết cũng không để lại di chúc. Vào ngày 25 tháng 10 năm 2002, ông Lưu S và ông Lưu K lập “*Biên bản v/v thỏa thuận phân chia tài sản đất theo thừa kế*” có xác nhận của UBND phường 8, thị xã Sóc Trăng. Nội dung cuộc họp: “*Phần đất thổ cư để lại cho anh Lưu S sử dụng và sau này làm nhà hương quả; còn phần đất ruộng 08 công tọa lạc tại khóm 1, phường 5, thị xã Sóc Trăng thì giao lại cho anh Lưu S canh tác và được quyền đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không được sang nhượng bất cứ hình thức nào, nếu sau này có chuyển nhượng thì phải có sự đồng ý của hai anh em*”.

Theo ông K im, biên bản trên do ông K viết tại căn nhà số 24 nay là số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, khi ông K viết có sự chứng kiến của ông Lưu S, ông Lê Giang C – Trưởng ban tư pháp phường 8, ông Hà Thế Th – Cán bộ địa chính phường 8 và ông Võ Văn T – Trưởng ban nhân dân khóm 1, phường 8 và có xác nhận của Chủ tịch UBND phường 8. Sau khi viết xong, ông K có đọc lại cho tất cả cùng nghe sau đó tất cả cùng ký tên vào biên bản.

Phần đất và căn nhà trên ông Lưu S quản lý và sử dụng từ đó cho đến nay.

Từ trước đến nay phần đất và nhà trên vẫn chưa được chia. Nay ông K phát hiện ông S có ý định muốn sở hữu riêng tài sản trên nên ông K đã yêu cầu chia nhưng ông S không đồng ý.

Còn về 08 công đất ruộng thì ông S đã chuyển nhượng cho ông Trần Thanh B vào năm 2011 với giá là 56.000.000đồng.

Sau khi chuyển nhượng xong 08 công đất ruộng thì ông S đã dùng số tiền đó để sửa chữa lại căn nhà. Hiện nay căn nhà có kết cấu: vách tường, gác ván, nền lót gạch men, mái tôn.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2015 ông K yêu cầu chia tài sản chung là phần đất và căn nhà trên đất diện tích là 44,7m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 36, đường Bà Triệu,

khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định pháp luật. Do hiện nay, gia đình ông Lưu S đang quản lý, sử dụng căn nhà trên ổn định nên ông K yêu cầu chia giá trị đất và căn nhà làm 03 phần bằng nhau. Theo ông K tài sản trên có giá trị khoảng 600.000.000đồng, ông K xin nhận 1/3 giá trị tài sản, tương đương là 200.000.000đồng.

Tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/8/2015 ông K yêu cầu chia giá trị 08 công đất ruộng đã bán với giá 56.000.000 đồng, ông K nhận 1/3 giá trị tương đương số tiền là 18.666.000 đồng.

Tại phiên Tòa ông Lưu K yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Đối với phần đất và căn nhà trên đất diện tích là 44,7m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ông K không đồng ý với kết quả của Hội đồng định giá 307.140.341đồng. Ông K cho rằng, nhà và đất nói trên hiện nay có giá 600.000.000 đồng (ông K không biết cụ thể phần đất, nhà có giá bao nhiêu) nhưng ông K không yêu cầu định giá lại. Tại phiên Tòa ông K yêu cầu được nhận nhà và đồng ý thôi lại giá trị cho ông S và các con của ông Lưu C.

2. Đối với 08 công đất ruộng, theo ông K do ông S đã chuyển nhượng mà không thông báo cho ông K biết theo biên bản đã thỏa thuận vào năm 2002 nhưng ông S dùng tiền chuyển nhượng để sửa chữa lại căn nhà số 36 đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Nay ông K yêu cầu tòa án giải quyết chia giá trị căn nhà và đất nói trên nên ông rút lại việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia 08 công đất ruộng theo đơn khởi kiện bổ sung vào ngày 25/8/2015.

**\* Bà Lý Thị Ph là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lưu S, đồng thời bà Ph cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Bà Ph và ông S thừa nhận cụ Lưu Kh và cụ Quách Thị L chính là cha mẹ ruột của ông S, khi còn sống cụ Kh và cụ L có 04 người con là:

1. Ông Lưu C, sinh năm 1947, chết năm 1994, có 04 người con gồm: bà Lưu Thị Thu H, sinh năm 1977; bà Lưu Thị Hồng T, sinh năm 1979; bà Lưu Thị Hồng T, sinh năm 1983; ông Lưu Minh H, sinh năm 1988.

2. Bà Lưu Thị K, sinh năm 1954 (đã chết), không có chồng và không có con.

3. Ông Lưu S, sinh năm 1956.

4. Ông Lưu K, sinh năm 1958.

Cụ Kh chết vào năm 1976, cụ L chết vào năm 2002. Tuy nhiên phần tài sản thì bà Ph không thống nhất theo lời trình bày của ông K.

Theo bà Ph, khi cụ Kh và cụ L chết có để lại phần đất diện tích bao nhiêu, ông S không rõ, trên đất có phần nhà tạm bợ, kết cấu: 01 vách lá, 01 vách nhờ, mái tôn cũ, nền đất trũng. Đến năm 2006, khi ông S kê khai để được cấp giấy thì được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 44,7m<sup>2</sup> vào ngày 24 tháng 01 năm 2006 (với tư cách là đồng thừa kế).

Vào năm 1991, Tập đoàn phường 5 giao cho hộ bà Quách Thị L 08 công đất ruộng. Thời điểm đó có ông S sống chung với cụ L, ông K thì đã đi khỏi nhà từ năm 1985 cho đến nay, còn ông C thì về sống bên gia đình vợ nên vợ chồng ông S là người trực tiếp canh tác 08 công đất ruộng trên.

Đến năm 2002, cụ L chết, vợ chồng ông K đã kêu ông S ký vào Biên bản về việc phân chia tài sản đất theo thừa kế lập ngày 25 tháng 10 năm 2002. Ông S thừa nhận chữ ký trong biên bản nói trên là của ông. Theo ông S, biên bản trên do ông K viết tại căn nhà số 24 nay là 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, khi ông K viết có sự chứng kiến của ông S, ông Lê Giang C – Trưởng ban tư pháp phường 8, ông Hà Thế Th – Cán bộ địa chính phường 8 và ông Võ Văn T – Trưởng ban nhân dân khóm 1, phường 8. Sau khi viết xong, ông K có đọc lại cho tất cả cùng nghe sau đó tất cả cùng ký tên vào biên bản. Tuy nhiên, khi ông K đọc lại biên bản chỉ đọc sơ qua nên ông S có ký mà không nghe kịp nội dung.

Vào năm 2005, vợ chồng ông S, bà Ph đã chuyển nhượng toàn bộ 08 công đất ruộng cho người tên V, ở phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng với giá 26.000.000đồng (hai bên chỉ làm giấy tay). Sau đó vào năm 2011, ông V kêu ông B đứng ra giao dịch mua bán với vợ chồng ông S cho nên hai bên mới làm hợp đồng chuyển nhượng, được Công chứng tại phòng công chứng số 1, tỉnh Sóc Trăng. Lúc đó ông K cùng những người con của ông Lưu C không biết việc ông S chuyển nhượng 08 công đất ruộng trên.

Sau khi chuyển nhượng xong 08 công đất ruộng thì ông S đã dùng số tiền trên để xây mới lại nhà (khoảng 26.000.000đồng), căn nhà có chiều ngang là 3,62m, chiều dài là 12,05m. Kết cấu căn nhà: vách tường, gác ván, nền lót gạch men, mái tôn.

Đối với giá chuyển nhượng 08 công đất ruộng lúc đầu vợ chồng ông S, bà Ph trình bày giá là 26.000.000 đồng. Tuy nhiên từ khi ông Trần Thanh B cung cấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có giá là 56.000.000 đồng thì vợ chồng ông S, bà Ph cũng đồng ý giá bán là 56.000.000 đồng.

Vào ngày 06 tháng 6 năm 2012, ông S, ông K và bà Tô Ngọc H, là vợ của ông Lưu C đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 12.3.020/HĐTC để vay của Phòng giao dịch Khánh Hưng chi nhánh tỉnh Sóc Trăng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền là 70.000.000đồng, ông S nhận 25.000.000đồng, ông K nhận 45.000.000đồng. Vào ngày 10/3/2015, ông S đã thanh toán toàn bộ số tiền vốn và lãi cho Ngân hàng và Ngân hàng đã giải chấp quyền sử dụng đất cho ông S.

Ông S có ý kiến đối với yêu cầu của ông K như sau:

1. Đối với phần đất và căn nhà trên đất diện tích là 44,7m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng: Ông S không đồng ý chia giá trị căn nhà mà chỉ đồng ý chia cho ông K giá trị quyền sử dụng

đất tọa lạc tại số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nhưng chỉ đồng ý chia làm 02 phần bằng nhau vì trong biên bản thỏa thuận vào ngày 25/10/2002, ông K chỉ yêu cầu chia đôi cho ông K và ông S không có tên ông Lưu C. Ông S thống nhất với giá của Hội đồng định giá là phần đất có giá 134.100.000đồng. Ông S nhận đất và sẽ thôi trả cho ông K ½ giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 67.050.000 đồng.

Ông S yêu cầu ông K trả cho ông S chi phí tiền đồ đất là: 1.620.000đồng, số tiền vốn và lãi mà ông S đã thay mặt ông K trả cho Ngân hàng, trong đó vốn là 45.000.000đồng, 08 tháng tiền lãi theo mức lãi suất 11,5%/năm là 3.600.000đồng và 10.000.000đồng mà ông S đã đưa cho ông K vì ông K ngăn cản việc ông S xây cất nhà (ông K có làm biên nhận). Việc ông S đưa cho ông K số tiền là 45.000.000đồng không có làm biên nhận.

Tổng cộng ông S yêu cầu ông K trả cho ông S số tiền là 60.220.000đồng. Sau khi khấu trừ, ông S sẽ thôi trả cho ông K số tiền chênh lệch là 6.830.000 đồng.

2. Đối với 08 công đất ruộng: Do Tập đoàn sản xuất khóm 1, phường 5 cấp cho hộ bà Quách Thị L, sau đó cụ L đã tặng cho vợ chồng ông S nên ông S có quyền chuyển nhượng, vì vậy ông S không đồng ý chia giá trị 08 công đất ruộng cho ông K.

Ngoài ra, ông S yêu cầu ông Lưu Minh H trả cho ông S số tiền là 2.000.000đồng và 08 tháng tiền lãi theo mức lãi suất 11,5%/năm là 560.000đồng (ông S đã giao cho ông Lưu Minh H 7.000.000đồng trong số tiền vay 70.000.000đồng, sau đó ông H đã trả cho ông S được 5.000.000đồng và không trả nữa). Tổng cộng ông S yêu cầu ông H trả cho ông S số tiền là 2.560.000đồng.

Theo bà Ph, phía ông S đã nhận được thông báo số 940/TB-TA ngày 14/8/2015 và thông báo số 1213/TB-TA ngày 05/11/2015 của Tòa án về việc yêu cầu ông S làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ nói trên của ông K im, ông H đối với ông S trong cùng vụ án này nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của ông S đang khó khăn nên không làm đơn khởi kiện.

Việc ông K yêu cầu rút lại yêu cầu Tòa án giải quyết chia 08 công đất ruộng trong cùng vụ án này phía ông S không có ý kiến, phía ông S vẫn giữ nguyên lời trình bày như trên.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Phòng Giao dịch Khánh Hưng chi nhánh tỉnh Sóc Trăng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam) trình bày:**

Ngày 06/6/2012, ông Lưu S được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Phòng giao dịch Khánh Hưng cho vay số tiền 70.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số 12.3.020/HĐTĐ, ngày 06/6/2012. Ngày 11/3/2015, ông S đã thanh toán hết khoản nợ nói trên và thanh lý các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Hoàng D trình bày:**

Bà D thống nhất với lời trình bày của cha mẹ bà là ông S và bà Ph.

Ngoài ra, bà D cho rằng biên bản phân chia tài sản lập ngày 25 tháng 10 năm 2002 không hợp pháp, vì biên bản trên do ông K tự viết, còn ông S ký mà không hiểu nội dung của văn bản, ông K yêu cầu bán nhà hương quả để chia cho ông K là không đúng.

Đối với 08 công đất ruộng: Do cụ L đã tặng cho cha mẹ của bà D là ông S và bà Ph nên cha, mẹ bà D có quyền chuyển nhượng, do đó ông S không có nghĩa vụ phải chia giá trị 08 công đất ruộng cho ông K im.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 214737 do Ủy ban nhân dân thị xã Sóc Trăng cấp cho ông Lưu S và đồng thừa kế nhưng trong giấy không thể hiện đồng thừa kế là ông Lưu K nên ông K không có quyền yêu cầu chia.

Bà D thống nhất với giá của Hội đồng định giá là phần đất có giá 134.100.000đồng. Bà D yêu cầu Tòa án xem xét công sức đóng góp của ông S và bà Ph vào phần đất thổ cư tọa lạc tại số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Từ Xuân Ph, ông Lưu Minh S, ông Lưu Minh G đều trình bày:**

Bà Ph, ông S, ông G đều thống nhất với lời trình bày của ông S và bà Ph, không có ý kiến gì khác.

**\* Ông Lưu Minh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà Y, bà T, bà H trình bày:**

Ông H không đồng ý với ý kiến của ông S về việc ông S chỉ đồng ý chia giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho ông S và ông K. Ông H không đồng ý với kết quả của Hội đồng định giá. Ông H cho rằng, nhà và đất nói trên hiện nay có giá 600.000.000 đồng (ông H không biết cụ thể phần đất, nhà có giá bao nhiêu) nhưng ông H không yêu cầu định giá lại. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H cho rằng, do hiện nay, gia đình ông Lưu S đang quản lý, sử dụng căn nhà trên ổn định nên ông H yêu cầu chia giá trị đất và căn nhà làm 03 phần bằng nhau (ông K, ông S và các con của ông C), các anh chị em của ông H gồm ông H, bà Lưu Thị Thu H, bà Lưu Thị Thu Y, bà Lưu Thị Hồng T được nhận số tiền 200.000.000 đồng. Tại phiên Tòa ông H thay đổi yêu cầu là được nhận nhà và đồng ý thôi lại giá trị cho ông S 200.000.000 đồng, ông K 200.000.000 đồng.

Việc ông K rút lại yêu cầu Tòa án giải quyết chia 08 công đất ruộng trong cùng vụ án này phía ông H không có ý kiến.

Ông H thừa nhận có nhận từ ông Lưu S số tiền là 7.000.000đồng trong số tiền 70.000.000đồng ông S vay của Ngân hàng (ông S giao tiền cho ông H không có làm

biên nhận). Ông H khẳng định hiện nay còn nợ ông S số tiền là 2.000.000đồng và 08 tháng tiền lãi là 560.000đồng. Tổng cộng là 2.560.000đồng.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Hồng Th trình bày:**

Vào ngày 09/3/2015, ông S có làm biên nhận để vay của bà Th số tiền là 70.000.000đồng, mục đích ông S vay tiền là để chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 214737 do UBND thị xã Sóc Trăng cấp ngày 24/01/2006 cho ông Lưu S (đồng thừa kế) từ Phòng Giao dịch Khánh Hưng - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Biên nhận do ông S viết tại nhà của ông S, 02 bên thỏa thuận trong vòng 01 năm ông S sẽ trả cho bà Th số tiền vốn vay là 70.000.000đồng cùng khoản tiền lãi theo mức lãi suất Ngân hàng, đồng thời ông S đã giao cho bà Th giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 214737 do UBND thị xã Sóc Trăng cấp ngày 24/01/2006 cho ông Lưu S (đồng thừa kế). Từ lúc vay đến nay, ông S chưa trả được cho bà Th khoản tiền nào cả. Vì là sui gia nên bà Th chỉ yêu cầu ông S trả số nợ trên ở bên ngoài chứ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**- Về tố tụng:**

Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, bà Lưu Hoàng V, ông Lưu Minh G, bà Từ Xuân Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào [điểm b khoản 2 Điều 227](#), [khoản 3 Điều 228](#) của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lưu K rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Ông K rút lại việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia 08 công đất ruộng theo đơn khởi kiện bổ sung vào ngày 25/8/2015. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của ông K là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào [khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự](#), Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia 08 công đất ruộng theo đơn khởi kiện bổ sung vào ngày 25/8/2015 của ông K im.

**- Về nội dung:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, cả nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận cha và mẹ của ông K, ông S là cụ Lưu Kh, sinh năm 1911 (chết năm 1976) và cụ Quách Thị L, sinh năm 1918 (chết năm 2002). Cụ Kh và cụ L có tất cả 04 người con, bao gồm:



1. Ông Lưu C, sinh năm 1947, chết năm 1994, có 04 người con gồm: bà Lưu Thị Thu H, sinh năm 1977; bà Lưu Thị Hồng T, sinh năm 1979; bà Lưu Thị Hồng T, sinh năm 1983; ông Lưu Minh H, sinh năm 1988.

2. Bà Lưu Thị K, sinh năm 1954 (đã chết), không có chồng và không có con.

3. Ông Lưu S, sinh năm 1956.

4. Ông Lưu K, sinh năm 1958.

Khi còn sống cụ Kh và cụ L có tạo lập được các tài sản gồm: Một căn nhà và đất tọa lạc tại số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng và 08 công đất ruộng tọa lạc tại khóm 1, phường 5, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng). Phần đất và căn nhà trên ông Lưu S quản lý và sử dụng từ đó cho đến nay. Khi cụ Kh, cụ L chết đều không có để lại di chúc và tài sản trên cũng chưa được phân chia.

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là sự thật.

Tuy nhiên, đối với 08 công đất ruộng tọa lạc tại khóm 1, phường 5, thành phố Sóc Trăng. Bà Ph thì cho rằng là của cụ L cho riêng vợ chồng bà và ông S nhưng bà không đưa ra được bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, đồng thời theo lời khai của người làm chứng bà Tiêu Thị Ngh ngày 27/7/2015 bà Ngh trình bày: *“Trước đây lâu quá tôi không nhớ rõ thời gian, tôi qua nhà bà Láng chơi có nghe bà Láng nói vụ 08 công đất ruộng giao lại cho ông S làm vì bà Láng già yếu không làm nổi nữa, chỉ nghe nói vậy thôi chứ không thấy làm giấy tờ gì cả, vì là chuyện gia đình của người ta nên bà cũng không để ý”*. Trong khi đó, tại hồ sơ và tại Tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Cụ Kh và cụ L chết không để lại di chúc nên vào ngày 25 tháng 10 năm 2002, ông Lưu S và ông Lưu K có lập *“Biên bản v/v thỏa thuận phân chia tài sản đất theo thừa kế”* có xác nhận của UBND phường 8, thị xã Sóc Trăng. Nội dung cuộc họp: *“Phần đất thổ cư để lại cho anh Lưu S sử dụng và sau này làm nhà hương quả; còn phần đất ruộng 08 công tọa lạc tại khóm 1, phường 5, thị xã Sóc Trăng thì giao lại cho anh Lưu S canh tác và được quyền đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không được sang nhượng bất cứ hình thức nào, nếu sau này có chuyển nhượng thì phải có sự đồng ý của hai anh em”*. Biên bản trên do ông K viết tại căn nhà số 24 nay là số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, khi ông K viết có sự chứng kiến của ông S, ông Lê Giang C – Trưởng ban tư pháp phường 8, ông Hà Thế Th – Cán bộ địa chính phường 8 và ông Võ Văn T – Trưởng ban nhân dân khóm 1, phường 8. Sau khi viết xong, ông K có đọc lại cho tất cả cùng nghe sau đó tất cả cùng ký tên vào biên bản. Tại phiên Tòa bà Ph cũng thừa nhận chữ ký trong biên bản trên là của ông S.

Bà Ph trình bày vào năm 2005, vợ chồng ông S, bà Ph đã chuyển nhượng toàn bộ 08 công đất ruộng cho người tên V, ở phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng với giá 56.000.000 đồng (hai bên chỉ làm giấy tay). Sau đó vào năm 2011, ông

V kêu ông B đứng ra giao dịch mua bán với vợ chồng ông S cho nên hai bên mới làm hợp đồng chuyển nhượng, được Công chứng tại phòng công chứng số 1, tỉnh Sóc Trăng. Lúc đó ông K cùng những người con của ông Lưu C không biết việc ông S chuyển nhượng 08 công đất ruộng trên. Sau khi chuyển nhượng xong thì vợ chồng ông S, bà Ph đã dùng số tiền khoảng 46.000.000 đồng để xây mới lại nhà trong số tiền bán đất, căn nhà hiện trạng mới có chiều ngang là 3,62m, chiều dài là 12,05m. Kết cấu: vách tường, gác ván, nền lót gạch men, mái tôn. Theo bà Ph lý do dùng số tiền khoảng 46.000.000 đồng để xây dựng lại căn nhà là vì trong lúc đang xây dựng thì ông K có đến yêu cầu vợ chồng ông S, bà Ph phải đưa cho ông K 10.000.000 đồng trong số tiền 56.000.000 đồng bán 08 công đất ruộng, vợ chồng ông S và bà Ph có đưa số tiền 10.000.000 đồng cho ông K và tại phiên Tòa ông K cũng thừa nhận là có nhận 10.000.000 đồng trong số tiền bán 08 công đất ruộng và ông K cho rằng đó chỉ là chia tạm thời. Như vậy có cơ sở khẳng định rằng tài sản cụ Kh và cụ L chết để lại có 08 công đất ruộng. Vợ chồng ông S, bà Ph quản lý nhưng khi bán lại không có sự đồng ý của ông K theo “*Biên bản v/v thỏa thuận phân chia tài sản đất theo thừa kế*” lập ngày 25/10/2002. Tuy nhiên, các bên đều thừa nhận đã dùng số tiền bán 08 công đất ruộng để xây dựng lại căn nhà như hiện nay.

Do cụ Kh chết năm 1976, không để lại di chúc. Đến năm 2002, cụ L chết cũng không để lại di chúc, tính đến thời điểm ông K nộp đơn khởi kiện đến Tòa án ngày 06/02/2015 đã hết thời hiệu chia thừa kế theo quy định tại Điều 645 BLDS năm 2005 và tài sản trên đến nay các bên đều thừa nhận là chưa chia. Do đó ông K yêu cầu chia tài sản chung là có cơ sở chấp nhận.

Ông K thì cho rằng căn nhà trên có giá là 600.000.000 đồng nhưng ông K không đưa ra được bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Đồng thời tại phiên Tòa ông K không thống nhất với giá của Hội đồng định giá nhưng ông K cũng không yêu cầu định giá lại.

Tại phiên Tòa, ông K yêu cầu nhận căn nhà với điều kiện là gia đình ông S phải giao căn nhà cho ông K bán, khi nào bán được thì ông K thối lại cho ông S 200.000.000 đồng và các con ông Lưu C 200.000.000 đồng; Ông H cũng yêu cầu được nhận nhà và thối lại giá trị cho ông K 200.000.000 đồng, ông S 200.000.000 đồng. Nhận thấy, căn nhà tranh chấp do gia đình ông S đã ở ổn định từ trước đến nay, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa các bên đều thừa nhận căn nhà lúc cụ Kh, cụ L để lại có kết cấu nhà trệt, mái tole, cột đúc, ½ vách tường + ½ vách lá, 01 vách nhờ, nền đất trũng. Trong quá trình quản lý sử dụng phía gia đình ông S đã có công bảo quản, dùng số tiền bán 08 công đất ruộng để xây dựng và làm tăng giá trị căn nhà như hiện nay. Đồng thời, trong “*Biên bản v/v thỏa thuận phân chia tài sản đất theo thừa kế*” lập ngày 25/10/2002 có thể hiện là căn nhà này dùng làm nhà hương quả nên ông K yêu cầu gia đình ông S giao nhà cho ông K bán và ông K thối trả lại giá trị cho ông S và các con ông C là không có cơ sở chấp nhận; Đối với yêu cầu nhận nhà của ông H cũng không có cơ sở chấp nhận.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 214737 do Ủy ban nhân dân thị xã Sóc Trăng cấp ngày 24 tháng 01 năm 2006 là cấp cho ông Lưu S và đồng thừa kế, mà đồng thừa kế của ông S chính là ông Lưu K và ông Lưu C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Do ông Lưu C đã chết trước cụ Kh và cụ L nên trong trường hợp ông C được hưởng di sản thừa kế thì phần di sản đó sẽ được chia cho các con của ông Lưu C theo hàng thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 gồm: bà Lưu Thị Thu H, bà Lưu Thị Thu Y, bà Lưu Thị Hồng T, ông Lưu Minh H.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của ông K theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

Phần đất và căn nhà có diện tích là 44,7m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng được chia làm 03 phần cho các người con của cụ Kh và cụ L là ông Lưu K, ông Lưu S và các người con của ông Lưu C gồm: bà Lưu Thị Thu H, bà Lưu Thị Thu Y, bà Lưu Thị Hồng T, ông Lưu Minh H theo giá của Hội đồng định giá nhà và đất là 307.140.341 đồng. Do căn nhà ông S đã ở ổn định từ trước đến nay nên cần ổn định căn nhà cho gia đình ông S. Xét về công sức gìn giữ và làm tăng giá trị căn nhà của phía gia đình ông Lưu S nên ông Lưu S được nhận phần công sức gìn giữ và làm tăng giá trị căn nhà với số tiền là 37.140.341 đồng. Như vậy, số tiền còn lại là 270.000.000 đồng sẽ chia đều 03 phần bằng nhau, do ông S nhận nhà nên ông S có trách nhiệm thối trả cho ông K số tiền 90.000.000 đồng (tuy nhiên, tại thời điểm bán 08 công đất ruộng ông K đã nhận số tiền 10.000.000 đồng từ ông S nên ông S chỉ thối trả cho ông K số tiền 80.000.000 đồng); Ông S thối trả cho các con của ông Lưu C gồm: bà Lưu Thị Thu H, bà Lưu Thị Thu Y, bà Lưu Thị Hồng T, ông Lưu Minh H số tiền là 90.000.000 đồng. Tại phiên Tòa bà Ph, bà D, ông S chỉ đồng ý chia giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo giá của Hội đồng định giá là 134.100.000 đồng, Ông S nhận đất và sẽ thối trả cho ông K ½ giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 67.050.000 đồng. Như đã nhận định ở trên thì yêu cầu của bà Ph, bà D, ông S là không có cơ sở chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông S yêu cầu ông K trả cho ông S chi phí tiền đồ đất là: 1.620.000đồng, số tiền vốn và lãi mà ông S đã thay mặt ông K trả cho Ngân hàng, trong đó vốn là 45.000.000đồng, 08 tháng tiền lãi theo mức lãi suất 11,5%/năm là 3.600.000đồng. Ông S yêu cầu ông H trả cho ông S số tiền là 2.000.000đồng và 08 tháng tiền lãi theo mức lãi suất 11,5%/năm là 560.000đồng (ông S đã giao cho ông Lưu Minh H 7.000.000đồng trong số tiền vay 70.000.000đồng, sau đó ông H đã trả cho ông S được 5.000.000đồng và không trả nữa). Tổng cộng ông S yêu cầu ông H trả cho ông S số tiền là 2.560.000đồng.

Tòa án có ban hành thông báo số 940/TB-TA ngày 14/8/2015 và thông báo số 1213/TB-TA ngày 05/11/2015 về việc yêu cầu ông S làm đơn khởi kiện để yêu cầu

Tòa án giải quyết khoản nợ nói trên của ông K, ông H đối với ông S trong cùng vụ án này, phía ông S có trực tiếp nhận nhưng ông S không làm đơn yêu cầu và tại phiên Tòa cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H có yêu cầu ông S giao cho ông H số tiền 10.000.000đồng trong số tiền mà ông S đã bán 08 công đất ruộng. Tòa án có ra Thông báo số 1324 ngày 07/12/2016 về việc yêu cầu ông H làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nói trên trong cùng vụ án này, phía ông H có trực tiếp nhận Thông báo nhưng ông H không làm đơn yêu cầu và tại phiên Tòa cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th có yêu cầu ông S trả số tiền vay 70.000.000đồng cùng tiền lãi cho bà Th. Tòa án có ra Thông báo số 1323 ngày 07/12/2016 về việc yêu cầu bà Th làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ nói trên trong cùng vụ án này phía bà Th có trực tiếp nhận Thông báo nhưng bà Th không làm đơn yêu cầu và tại phiên Tòa cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tại phiên Tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Cụ Kh và cụ L chết không để lại di chúc và thời hiệu chia thừa kế cũng đã hết nên ông K yêu cầu chia tài sản chung là có cơ sở. Hiện nay ông K không có nhà ở nên yêu cầu được nhận nhà với điều kiện là ông S giao nhà cho ông K bán và đồng ý thối lại giá trị căn nhà cho ông S 200.000.000 đồng, cho các con của ông C 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã nhận định ở phần trên thì yêu cầu chia tài sản chung là có cơ sở chấp nhận. Riêng đối với phần yêu cầu được nhận nhà như đã phân tích ở trên thì yêu cầu này không được chấp nhận.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ đối với đơn khởi kiện bổ sung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu K, ông Lưu S, các người con của ông Lưu C gồm: bà Lưu Thị Thu H, bà Lưu Thị Thu Y, bà Lưu Thị Hồng T, ông Lưu Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần di sản mà họ được hưởng.

Về chi phí định giá: Ông Lưu K, ông Lưu S, các người con của ông Lưu C gồm: bà Lưu Thị Thu H, bà Lưu Thị Thu Y, bà Lưu Thị Hồng T, ông Lưu Minh H phải chịu chi phí định giá theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 652 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu K.

Tài sản chung được phân chia như sau:

- Ông Lưu S được nhận quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất có diện tích là 44,7m<sup>2</sup>, thửa số 84, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại số 36, đường Bà Triệu, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 214737 do UBND thị xã Sóc Trăng cấp ngày 24/01/2006 cho tên người sử dụng đất Lưu S (đồng thừa kế). Có vị trí như sau:

+ Phía Đông: Giáp kênh thoát nước, có số đo 3,81m.

+ Phía Tây: Giáp đường Bà Triệu, có số đo 3,62m.

+ Phía Nam: Giáp đất ông Tôn Minh Hiếu, có số đo 12,05m.

+ Phía Bắc: Giáp hẻm Cầu Đen, có số đo 11,97m.

Phần nhà: Kết cấu nhà 02 tầng, khung cột bê tông cốt thép, vách tường gạch, nền lát gạch men, mái lợp tôn thiếc, sàn lầu ván gỗ dầu, có trần la phong nhựa, có sê nô bê tông cốt thép phía trước và phía sau nhà.

Mái che phía sau: Tường lửng cao 1,3m + lưới B40

Nền lát gạch nước (gạch men), mái lợp tôn thiếc

Mái che phía trước: (nằm trên vỉa hè) kết cấu khung sắt, mái lợp tôn thiếc.

- Ông S được nhận phần công sức gìn giữ và làm tăng giá trị căn nhà với số tiền là 37.140.341 đồng.

- Ông Lưu S có nghĩa vụ bồi trả giá trị nhà, đất cho: Ông Lưu K số tiền là 80.000.000 đồng; Các con của ông Lưu C gồm: bà Lưu Thị Thu H, bà Lưu Thị Thu Y, bà Lưu Thị Hồng T, ông Lưu Minh H số tiền là 90.000.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lưu K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia 08 công đất ruộng theo đơn khởi kiện bổ sung vào ngày 25/8/2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu S phải chịu án phí số tiền 6.357.017 đồng; Ông K phải chịu án phí số tiền 4.000.000 đồng, do ông K đã nộp số tiền tạm

ứng án phí 5.000.000 đồng theo biên lai số 004834 ngày 09/3/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng nên hoàn lại cho ông K số tiền là 1.000.000 đồng; Các con của ông Lưu C gồm: bà Lưu Thị Thu H, bà Lưu Thị Thu Y, bà Lưu Thị Hồng T, ông Lưu Minh H cùng phải chịu án phí số tiền là 4.500.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lưu K số tiền tạm ứng án phí là 466.650 đồng theo biên lai số 007351 ngày 27/8/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Lưu K, bà Lưu Thị Thu H, bà Lưu Thị Thu Y, bà Lưu Thị Hồng T, ông Lưu Minh H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lưu S còn phải trả lãi cho ông K, bà H, bà Y, bà T, ông H theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về chi phí định giá số tiền 1.000.000 đồng: Ông Lưu S phải chịu số tiền là 333.333 đồng, ông Lưu K phải chịu số tiền là 333.333 đồng; Bà Lưu Thị Thu H, bà Lưu Thị Thu Y, bà Lưu Thị Hồng T, ông Lưu Minh H cùng phải chịu số tiền là 333.333 đồng. Số tiền này ông Lưu K đã nộp tạm ứng trước nên ông Lưu S, bà Lưu Thị Thu H, bà Lưu Thị Thu Y, bà Lưu Thị Hồng T, ông Lưu Minh H có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Lưu K.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND-TPST;
- Chi cục Thi hành án DS-TPST;
- Tòa án nhân dân-TST;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thanh Loan**

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND-TPST;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Chi cục Thi hành án DS-TPST;
- Tòa án nhân dân-TST;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thanh Loan**

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Lưu K, bà Lưu Thị Thu H, bà Lưu Thị Hồng T, bà Lưu Thị Hồng T, ông Lưu Minh H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lưu S còn phải trả lãi cho ông K im, bà H, bà Y, bà T, ông H theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.